

Số: 198 /TB-QLKTTW

*Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2018*

**THÔNG BÁO**  
**Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 1- năm 2018 (khóa 14)**

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 08 /2018/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương;

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 1 - năm 2018 (khóa 14) với các nội dung như sau:

**1. Mục tiêu đào tạo**

Đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện nhằm đào tạo những nhà khoa học có trình độ cao về lý thuyết, có khả năng: nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát hiện và giải quyết những vấn đề mới có ý nghĩa khoa học, hướng dẫn nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Quản lý kinh tế và Kinh tế phát triển.

**2. Chuyên ngành đào tạo**

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ theo hai chuyên ngành:

- |                      |                   |
|----------------------|-------------------|
| - Kinh tế phát triển | Mã số: 9 31 01 05 |
| - Quản lý kinh tế    | Mã số: 9 34 04 10 |

**3. Hình thức và thời gian đào tạo**

- Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển
- Thời gian đào tạo: 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ (ThS); Trường hợp nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đúng hạn thì được gia hạn tối đa là 24 tháng.

**4. Chỉ tiêu tuyển sinh**

Tổng chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương dự kiến năm 2018 là 14 chỉ tiêu cho 2 chuyên ngành. Chỉ tiêu tuyển sinh chuyên ngành Kinh tế phát triển dự kiến là 9 chỉ tiêu và chuyên ngành Quản lý kinh tế dự kiến là 5 chỉ tiêu. Hội đồng tuyển sinh sẽ thông báo chính thức số chỉ tiêu cho từng chuyên ngành sau khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao chỉ tiêu năm 2018.

## 5. Điều kiện dự tuyển

### 5.1 Về văn bằng

- a) Có bằng thạc sĩ đúng (trùng tên) với chuyên ngành đăng ký dự tuyển.
- b) Có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự tuyển.

Trong trường hợp người dự tuyển có bằng thạc sĩ phù hợp nhưng không thuộc chuyên ngành đúng với chuyên ngành dự tuyển nghiên cứu sinh, thì người dự tuyển cần học bổ sung kiến thức trình độ thạc sĩ sau khi trúng tuyển.

Danh mục các ngành, chuyên ngành thạc sĩ được coi là phù hợp với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ được quy định tại Bảng 1. Các bằng tốt nghiệp thuộc chuyên ngành không có trong danh mục này nhưng có chuyên môn gần với chuyên ngành đăng ký dự tuyển sẽ được Hội đồng Tuyển sinh của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương xem xét cụ thể sau khi người dự tuyển nộp hồ sơ.

**Bảng 1: Danh mục các ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ được đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh chuyên ngành Kinh tế phát triển và Quản lý kinh tế**

| STT | Ngành (ghi trên bằng) | Chuyên ngành (ghi trên bằng điểm) |
|-----|-----------------------|-----------------------------------|
| 1   | Kinh tế               | Các chuyên ngành                  |
| 2   | Kinh doanh và quản lý | Các chuyên ngành                  |

### 5.2 Có năng lực trong nghiên cứu khoa học, kết quả thể hiện ở một trong hai điều kiện sau:

(i) Có kinh nghiệm tích lũy về nghiên cứu khoa học, thể hiện ở việc là tác giả tối thiểu 01 bài báo khoa học phù hợp với đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu lựa chọn, được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc kỹ yếu, hội thảo khoa học được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước tính điểm công trình trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển (*xem Phụ lục 01*).

(ii) Là chủ nhiệm một đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên đã nghiệm thu, với chủ đề phù hợp với hướng nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu mà người dự tuyển lựa chọn.

### 5.3 Có triển vọng hoàn thành nghiên cứu, thể hiện thông qua một đề cương nghiên cứu (dài khoảng 2.800-3.000 từ) với nội dung chính sau:

- Đề tài hoặc hướng nghiên cứu của người dự tuyển
- Lý do lựa chọn đề tài/hướng nghiên cứu
- Tổng quan các công trình khoa học đã được công bố về đề tài/hướng nghiên cứu được lựa chọn
- Mục tiêu nghiên cứu
- Phương pháp nghiên cứu dự kiến thực hiện

- Mục tiêu và mong muốn đạt được khi đăng ký đi học nghiên cứu sinh
- Kế hoạch để đạt được mục tiêu mong muốn
- Lý do lựa chọn Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương là cơ sở đào tạo
- Kinh nghiệm về nghiên cứu, về thực tế, hoạt động xã hội và ngoại khóa khác
- Dự kiến việc làm và các nghiên cứu tiếp theo sau khi tốt nghiệp
- Lý giải về những khiếm khuyết hay thiếu sót (nếu có) trong hồ sơ như kết quả học đại học, thạc sĩ chưa cao...

Lưu ý: Đề cương nghiên cứu của người dự tuyển phải có xác nhận của người được đề xuất hướng dẫn (nếu có). Người hướng dẫn được đề nghị (nếu có) phải nằm trong danh sách các nhà khoa học có thể nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh tại Phụ lục số 08.

**5.4 Có sự tín nhiệm của giới khoa học**, thể hiện qua thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất một nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

Thư giới thiệu đề cập đầy đủ nhận xét, đánh giá năng lực và phẩm chất của người dự tuyển *xem tại Phụ lục số 6*.

#### **5.5 Điều kiện về trình độ ngoại ngữ**

a. Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b. Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c. Có chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên (do IIG, IIE hoặc các trung tâm do ETS ủy quyền cấp) hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên (do British Council hoặc IDP Australia hoặc University of Cambridge cấp) trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d. Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a mục 5.5 khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b mục 5.5 này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (xem Bảng 2) theo quy định tại điểm c mục 5.5 do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có chứng chỉ trình độ tiếng Anh bậc 3/6 trở lên theo khung năng lực

ngoại ngữ 6 bậc (xem Bảng 3) trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

**Bảng 2. Tham chiếu các chứng chỉ tiếng nước ngoài tương đương chứng chỉ tiếng Anh**

| STT | Chứng chỉ  | Trình độ  |
|-----|--|---|
| 1   | TOEFL iBT  | 45 - 93   |
| 2   | IELTS  | 5 - 6.5   |
| 3   | Cambridge examination  | CAE 45-59<br>PET Pass with Distinction                          |
| 4   | CIEP/Alliance française diplomas   | TCF B2<br>DELF B2<br>Diplôme de Langue                          |
| 5   | Goethe -Institut   | Goethe- Zertifikat B2<br>Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZdF) |
| 6   | TestDaF  | TDN3- TDN4  |
| 7   | Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)  | HSK level 6   |
| 8   | Japanese Language Proficiency Test (JLPT)  | N2  |
| 9   | ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language) | ТРКИ-2  |

**Bảng 3. Quy đổi chứng chỉ tiếng Anh bậc 3/6**

| Loại chứng chỉ   | Điểm đạt           | Tổ chức cấp   |
|------------------|--------------------|---|
| <i>Tiếng Anh</i> |                    |   |
| IELTS            | 4.5                | British Council; IDP Australia và University of Cambridge                                 |
| TOEFL PBT (ITP)  | 450<br>133         | Các trung tâm IIG, IIE hoặc các trung tâm do ETS (Viện Khảo thí Giáo dục Hoa Kỳ) ủy quyền |
| TOEFL CBT        | 45                 |   |
| TOEFL iBT        | 450                |   |
| TOEIC            |                    |   |
| Cambridge Exam   | Preliminary<br>PET | Các cơ sở của nước ngoài  |

|        |                         |  |
|--------|-------------------------|--|
| BEC    | Business<br>Preliminary |  |
| BULATS | 40                      |  |

## **6. Hồ sơ dự tuyển**

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương phát hành hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh năm 2018. Người dự tuyển có thể tự tải các mẫu giấy tờ và hoàn thành hồ sơ dự tuyển theo hướng dẫn sau đây:

### **6.1 Hồ sơ dự tuyển để lưu tại Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo, xếp theo thứ tự sau**

6.1.1. Phiếu đăng ký dự tuyển có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự (đối với người đã có việc làm), hoặc trường (nếu là sinh viên vừa tốt nghiệp), hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú (đối với người làm nghề tự do) (có dán ảnh và đóng dấu giáp lai, theo mẫu Phụ lục 02)

6.1.2. Hai bản sao có chứng thực của các văn bằng, chứng chỉ sau đây:

- Bằng và bảng điểm tốt nghiệp đại học
- Bằng và bảng điểm thạc sĩ (không yêu cầu đối với người dự tuyển từ bậc đại học)
- Bằng và bảng điểm tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài (nếu có)
- Chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có)

Các bằng và bảng điểm đại học và thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch tiếng Việt và nộp kèm theo bản công chứng *Văn bản Công nhận văn bằng* của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hướng dẫn quy trình, thủ tục công nhận văn bằng tại Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo: xem tại <https://cnvb.wordpress.com/>.

6.1.3. Bản gốc thư giới thiệu theo quy định tại mục 5.4. (theo mẫu Phụ lục 03)

6.1.4. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức) (theo mẫu Phụ lục 04).

6.1.5. Bản cam kết thực hiện nghĩa vụ học tập, nghiên cứu và chế độ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định (theo mẫu Phụ lục 05).

6.1.6. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa.

6.1.7. Bản gốc đề cương nghiên cứu của người dự tuyển theo quy định tại mục 5.3 (theo mẫu Phụ lục 06).

6.1.8. Một bộ bản sao các bài báo hoặc báo cáo khoa học của người dự tuyển. Lưu ý:

- Mỗi bài báo hoặc báo cáo khoa học cần được sao chụp trang bìa (tạp chí hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học), trang mục lục và nội dung bài viết.

- Các bài báo hoặc báo cáo khoa học cần được đóng thành tập và sắp xếp theo trật tự của bản kê khai danh mục ở trang bìa (*theo mẫu Phụ lục 07*).

- Nếu có số bài báo hoặc báo cáo khoa học nhiều hơn quy định ở mục 5.2 (đối với chương trình bằng tiếng Việt).

6.1.9. Hai ảnh 3x4, nền trắng, ghi rõ họ tên và ngày sinh của người dự tuyển sau ảnh.

## **6.2. Bộ giấy tờ cần nộp để gửi cho Tiểu ban chuyên môn xét tuyển, chia thành 5 tập, mỗi tập gồm có:**

6.2.1. Một bản sao các loại văn bằng và chứng chỉ (là bản copy các văn bản ở mục 6.1.2)

6.2.2. Một bản sao thư giới thiệu (là bản copy thư giới thiệu ở mục 6.1.3)

6.2.3. Một bản sao đề cương nghiên cứu (là bản copy đề cương nghiên cứu ở mục 6.1.7)

6.2.4. Một bản sao bộ các bài báo hoặc báo cáo khoa học (như hướng dẫn ở mục 6.1.8)

## **6.3. Cách thức nộp hồ sơ**

- Hồ sơ chỉ được nhận khi có đủ các giấy tờ và được sắp xếp theo hướng dẫn ở mục 6.1 và 6.2. Khi nộp hồ sơ, người dự tuyển mang theo các loại giấy tờ gốc để đối chiếu.

- Thời gian nộp hồ sơ: từ ngày 02/5/2018 đến ngày 15/6/2018 (buổi sáng: từ 8h30 - 11h30; buổi chiều: từ 14h00 - 17h00)

- Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng 204 nhà B, Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, số 68 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội

- Lệ phí thụ lý hồ sơ và xét tuyển: 1.200.000 đồng.

*(Hồ sơ tuyển sinh không trả lại sau khi đã nộp)*

## **7. Cách thức xét tuyển**

### **7.1 Hình thức xét tuyển**

Đánh giá thí sinh dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm đánh giá Hồ sơ dự tuyển và đánh giá việc trình bày, vấn đáp của thí sinh theo thang điểm 100. Điểm đánh giá Hồ sơ dự tuyển 60 điểm; điểm trình bày, vấn đáp của thí sinh 40 điểm. Thí sinh được xếp loại đạt nếu phần hồ sơ đạt từ 30 điểm trở lên và phần phỏng vấn đạt từ 20 điểm trở lên.

### **7.2 Nội dung và tiêu chí đánh giá**

a) *Điểm đánh giá văn bằng và kết quả đào tạo:* trọng số 0,1, dựa trên:

- Điểm trung bình các môn học.

- Điểm bảo vệ luận văn thạc sĩ (nếu có).

- Uy tín cơ sở đào tạo của người dự tuyển tại các bộ đại học và thạc sĩ

b) *Điểm đánh giá bài báo hay công trình khoa học:* trọng số 0,2, dựa trên:

- Tính phù hợp với đề tài/hướng nghiên cứu dự định của thí sinh.
- Tính sáng tạo, nội dung và chất lượng bài viết.
- Mức độ uy tín của tạp chí hoặc hội nghị, hội thảo khoa học.

c) *Điểm đánh giá dựa trên ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong hai thư giới thiệu:* trọng số 0,1.

Ý kiến đánh giá, nhận xét và ủng hộ người dự tuyển trong thư giới thiệu: dựa trên uy tín của người giới thiệu; nội dung giới thiệu (nhận xét sâu sắc hoặc sơ sài, thể hiện mức độ quan tâm của người giới thiệu đối với người dự tuyển).

d) *Điểm đánh giá chất lượng đề cương nghiên cứu:* trọng số 0,2 dựa trên các nội dung chủ yếu:

- + Tính cấp thiết và lý do chọn đề tài/hướng nghiên cứu
- + Mức độ sâu sắc và bao quát của phần tổng quan các công trình khoa học đã công bố trong và ngoài nước về đề tài/hướng nghiên cứu được lựa chọn.
- + Tính khoa học của các phần mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu (rõ ràng).
- + Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu dự kiến (phù hợp), kế hoạch nghiên cứu (khả thi).

đ) Trình độ ngoại ngữ

e) *Đánh giá thí sinh trình bày về dự định nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh, các thành viên tiểu ban chuyên môn sẽ đặt câu hỏi phỏng vấn để đánh giá thí sinh:* trọng số 0,4 dựa trên các mặt chủ yếu:

+ Về kiến thức: Sự am hiểu của thí sinh về vấn đề nghiên cứu, sự rõ ràng về ý tưởng đối với các mong muốn đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ.

+ Về khả năng thực hiện nghiên cứu: Tính khả thi trong lựa chọn phương pháp nghiên cứu và kế hoạch thực hiện dự định nghiên cứu nếu trúng tuyển, lý giải điểm mạnh, điểm yếu và sự chuẩn bị chung của người dự tuyển khi đăng ký và theo học nghiên cứu sinh tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

+ Về tư chất cần có của một nghiên cứu sinh: bao gồm năng lực nghiên cứu (khả năng tư duy phân tích, tổng hợp phê phán, cách diễn đạt chặt chẽ, logic, sự am hiểu về các phương pháp nghiên cứu...), tính nghiêm túc của mục đích theo đuổi chương trình đào tạo tiến sĩ; các phẩm chất khác như tính sáng tạo, trung thực, khả năng tổ chức sắp xếp công việc.

## **8. Kế hoạch xét tuyển và gửi giấy báo**

- a. Xét tuyển: Dự kiến tháng 6/2018.
- b. Công bố kết quả xét tuyển: Dự kiến tháng 7/2018.
- c. Nhập học: Dự kiến tháng 7/2018.

d. Hình thức gửi thông tin: Thông báo dự tuyển và nhập học (nếu trúng tuyển) được gửi cho thí sinh qua email và qua đường bưu điện theo địa chỉ thí sinh đăng ký trong hồ sơ.

**9. Địa chỉ liên hệ và cung cấp thông tin liên quan**

Trung tâm Tư vấn quản lý và Đào tạo,

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

Địa chỉ: Tầng 2 nhà B, 68 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, Hà Nội.

- Giám đốc Trung tâm:

Điện thoại cố định: 024.37331.445, Di động: 0988.708.460

- Phòng Đào tạo: Điện thoại cố định: 024.37344.296, Di động: 0906.586.399

Website Viện: [www.ciem.org.vn](http://www.ciem.org.vn)

Email: [Phamquangtrung@mpi.gov.vn](mailto:Phamquangtrung@mpi.gov.vn)

**Nơi nhận**

- Vụ Giáo dục sau Đại học, Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Các đơn vị thuộc Bộ KH và ĐT;
- Các đơn vị thuộc Viện NCQLKTTW;
- Sở KH và ĐT 63 tỉnh, thành phố;
- Sở Nội vụ 63 tỉnh, thành phố;
- Các trường Đại học, Viện nghiên cứu;
- Lưu: VT, TVQL.

**VIỆN TRƯỞNG**

(Đã ký)

**Nguyễn Đình Cung**